

Bản án số: **163/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-12-2022

*“Xin ly hôn và
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuỷ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Bạch Vân**

2. Ông **Dương Sơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ý** là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị ML**, sinh năm 1980 – có mặt.

Địa chỉ: Số 141, khu vực TA, phường Th H, quận TN, thành phố CT.

Bị đơn: Anh **Lê VQ**, sinh năm 1979 – vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 04, ấp HC, xã BA, huyện KL, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị ML trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê VQ chung sống với nhau từ năm 2000 đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn được UBND xã BA cấp giấy chứng nhận kết hôn, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2013 anh thường xuyên uống rượu không lo làm ăn từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị dẫn hai con về CT làm ăn và nuôi các con ăn học, nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có hai người con tên Lê NT, sinh ngày 21/10/2001 và Lê Ngọc NY, sinh ngày 18/5/2009. Ly hôn chị xin được nuôi cháu NY, cháu NT đã trưởng thành và sống tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu NY.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2022 và biên bản hòa giải ngày 16/11/2022 bị đơn anh Lê VQ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2000 đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BA cấp giấy chứng nhận kết hôn. Về mâu thuẫn đúng như chị L trình bày là anh có uống rượu, hiện nay vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay không có quan tâm chăm sóc nhau nhưng anh vẫn rất thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ “xin ly hôn và nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết bị đơn anh Q có địa chỉ cư trú tại huyện KL, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện KL.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về áp dụng pháp luật: Anh Lê VQ có đăng ký kết hôn tại UBND xã BA, huyện KL, tỉnh KG và được UBND xã Bình An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 07/3/2006. Do đó, hôn nhân của chị L và anh Q đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy HĐXX áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị ML và anh Lê VQ là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm, từ năm 2013 anh Q thường xuyên uống rượu nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều lần hòa giải nhưng không thể hàn gắn được, từ năm 2013 đến nay anh chị đã sống ly thân, chị L về Cần Thơ sinh

sống cùng các con và anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau nên tình cảm không thể hàn gắn được.

Mặt khác, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị L và anh Q (bút lục 25, 26), địa phương cũng như ý kiến của mẹ anh Q đều xác nhận hiện nay anh Q đang sống cùng mẹ ruột anh thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, vợ chồng đã sống ly thân gần 10 năm nay cho thấy hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị L xin được ly hôn với anh Q là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Xét yêu cầu của chị L xin được nuôi cháu Lê Ngọc NY và cháu NY có nguyện vọng được sống với chị L nếu như cha mẹ ly hôn. HĐXX xét thấy, việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của cha hoặc mẹ để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần đầy đủ cho con. Từ trước đến nay cháu NY sống cùng với chị L và hiện nay cháu đang học ở quận TN, thành phố CT, cháu đã quen với lối sống và sự sinh hoạt thường ngày nếu thay đổi nơi ở mới sẽ làm sáo trộn việc học tập cũng như nếp sống quen thuộc của cháu.

Xét về điều kiện của anh Q hiện nay anh Q thường xuyên uống rượu, không có công việc làm, anh sống phụ thuộc vào kinh tế của mẹ anh nên anh không có khả năng nuôi cháu NY, do đó HĐXX giao cháu NY cho chị L nuôi dưỡng sẽ phù hợp và thuận lợi cho sự phát triển của cháu.

Đối với cháu Lê NT đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có cuộc sống tự lập nên HĐXX không xem xét về người nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: chị L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 144, 146 Bộ luật tố Tụng dân sự và Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị ML cho ly hôn với anh Lê VQ .

Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc NY, sinh ngày 18/5/2009 cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đối với cháu Lê NT đã trưởng thành có cuộc sống tự lập nên HĐXX không xem xét về người nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung. Bảo lưu quyền yêu cầu việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

2/ Án phí HNGĐ-ST là 300.000đ, chị L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí, chị L được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009176 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/12/2022), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Chi cục THADS huyện Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa